TOÀ ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN A** **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 20/2020/HNGĐ-ST
Ngày 27-5-2020
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Bùi Duy Thạch

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Tỉnh

Bà Trần Thị Thúy

***- Thư ký phiên toà*:** Bà Ngô Thị Nguyệt - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng tham gia phiên toà: Bà Hoàng Thị Ngọc Lan - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 5 năm 2020, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 20/2020/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 01 năm 2020 về việc: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 4 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Vũ Thị N; cư trú tại đội X, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên toà.

- *Bị đơn:* Anh Nguyễn Văn H; cư trú tại thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa (không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện, tại các bản tự khai, trong quá trình tố tụng và tại phiên tòa nguyên đơn là chị Vũ Thị N trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Vũ Thị N và Anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện và có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào ngày 13 tháng 12 năm 2010. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống cùng nhau tại gia đình mẹ đẻ chị Vũ Thị N ở đội X, xã T, huyện T, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận, hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng về quan điểm sống, tính cách không hợp nên thường xuyên xảy ra va chạm cãi, chửi nhau. Mâu thuẫn đã

được gia đình khuyên ngăn, hoà giải nhiều lần nhưng không có kết quả mà ngày càng căng thẳng, trầm trọng và không còn khả năng khắc phục. Do mâu thuẫn căng thẳng nên cũng từ năm 2015, anh Nguyễn Văn H đã bỏ về nhà bố đẻ ở thôn T, sống ly thân với chị Vũ Thị N; từ đó đến nay, vợ chồng không ai quan tâm và trách nhiệm đến nhau. Nay chị Vũ Thị N xác định tình cảm vợ chồng không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 11 tháng 8 năm 2011; con chung hiện do chị trực tiếp nuôi dưỡng. Ly hôn chị Vũ Thị N đề nghị Tòa án giao con chung cho chị trực tiếp nuôi dưỡng; việc cấp dưỡng nuôi con do chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung, ly hôn chị Vũ Thị N không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết về tài sản.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn H, trong quá trình giải quyết vụ án, đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng quy định của pháp luật nhưng anh Nguyễn Văn H đều vắng mặt không có lý do nên không có quan điểm của anh Nguyễn Văn H trước yêu cầu xin ly hôn của chị Vũ Thị N.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A phát biểu ý kiến khẳng định:

- Về việc tuân theo pháp luật về tố tụng: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, những người tiến hành tố tụng và nguyên đơn đã chấp hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt nhiều lần, không có lý do nên đã không chấp hành các điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, các điều 227, 228 Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật Dân sự, các điều 51, 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình, xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H; về con chung, giao con chung Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi theo quy định của pháp luật. Về việc cấp dưỡng nuôi con và về tài sản chung: Do đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về việc xét xử vắng mặt của các đương sự: Bị đơn, anh Nguyễn Văn H đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng anh Nguyễn Văn H vẫn vắng mặt tại phiên tòa không có lý do nên căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn, anh Nguyễn Văn H.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ lời khai của nguyên đơn, các tài liệu, chứng cứ khác do nguyên đơn cung cấp và do Tòa án thu thập có trong hồ sơ vụ án đã xác định chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H kết hôn với nhau do tự nguyện, có làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải

Phòng vào ngày 13 tháng 12 năm 2010. Quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính cách không hợp; hiện tại đã sống ly thân, không ai quan tâm đến ai. Xét thấy, tình trạng hôn nhân giữa chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình cần chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

[3] Về con chung: Chị Vũ Thị N và anh Nguyễn Văn H có 01 con chung Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013. Ly hôn chị Vũ Thị N có quan điểm đề nghị Tòa án giao con chung Nguyễn Ngọc Hân cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng; anh Nguyễn Văn H vắng mặt, không có quan điểm về việc nuôi con chung. Việc nuôi con chung vừa là quyền, vừa là nghĩa vụ của cha, mẹ nên giao con chung cho ai nuôi dưỡng cũng phải đảm bảo các con chung được nuôi dạy và phát triển trong điều kiện tốt nhất. Xét thấy điều kiện nuôi con chung của các bên là ngang nhau, con chung đang được chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng trong điều kiện tốt nên để con chung có cuộc sống ổn định và phù hợp với nguyện vọng của con chung cần giao con chung cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng.

[4] Ly hôn chị Vũ Thị N có quan điểm việc cấp dưỡng nuôi con sẽ do chị và anh H tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Xét quan điểm chị Vũ Thị N đưa ra là hoàn toàn tự nguyện, phù hợp với quy định của pháp luật nên được chấp nhận; việc cấp dưỡng nuôi con chung sẽ do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét, giải quyết. Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

[5] Về tài sản: Do các đương sự không có yêu cầu nên Toà án không xem xét, giải quyết. Nếu các bên đương sự có tranh chấp về cấp dưỡng nuôi con chung hoặc về tài sản, Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác khi đương sự có yêu cầu.

[6] Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; các điều 143, 147, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 39 Bộ luật Dân sự;

- Căn cứ các điều 51, 56, 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ các điều 6, 7, 9 và khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử

dụng án phí và lệ phí Toà án của Uỷ ban thường vụ Quốc Hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Vũ Thị N được ly hôn với anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: Giao con chung Nguyễn Ngọc H1, sinh ngày 05 tháng 12 năm 2013 cho chị Vũ Thị N trực tiếp nuôi dưỡng. Việc cấp dưỡng nuôi con chung do các đương sự tự thỏa thuận, Tòa án không xem xét giải quyết.

Thời hạn nuôi con chung tính từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản: Tòa án không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí: Chị Vũ Thị N phải nộp 300.000đ án phí dân sự sơ thẩm để sung vào công quỹ nhà nước. Chị Vũ Thị N đã nộp số tiền 300.000đ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện A (theo Biên lai thu tiền số 0004670 ngày 17 tháng 01 năm 2020) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- TAND TP Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- Chi cục Thi hành án dân sự huyện A;
- UBND xã Đ, huyện A;
- Đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

Bùi Duy Thạch